

Số: 1034/2024/BC-QTRR

Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 2024

**BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN
GIAO DỊCH KÝ QUỸ**

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam

Công ty chứng khoán VNDIRECT xin báo cáo Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ từ ngày 01/10/2024 đến 31/10/2024 năm 2024 như sau:

- Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh:

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	AAA			AAA
2	ACB			ACB
3	ACG			ACG
4	ACL			ACL
5			ADS	ADS
6	AGG			AGG
7	AGR			AGR
8	APG	APG		
9	ANV			ANV
10	ASM			ASM
11	AST			AST

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
12	BAF			BAF
13	BCG			BCG
14	BCM			BCM
15	BFC			BFC
16	BIC			BIC
17	BID			BID
18	BMC			BMC
19	BMI			BMI
20	BMP			BMP
21	BSI			BSI
22	BVH			BVH
23	BWE			BWE
24	BTP	BTP		
25			C32	C32
26	CCL			CCL
27			CDC	CDC
28	CII			CII
29	CLC			CLC
30	CMG			CMG
31	CNG			CNG
32			CRC	CRC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
33	CSM			CSM
34	CSV			CSV
35	CTD			CTD
36			CTF	CTF
37	CTG			CTG
38	CTI			CTI
39	CTR			CTR
40	CTS			CTS
41	CVT			CVT
42	DBC			DBC
43	DBD			DBD
44			DC4	DC4
45	DCL			DCL
46	DCM			DCM
47	DGC			DGC
48	DGW			DGW
49	DHA			DHA
50	DHC			DHC
51	DHG			DHG
52	DIG			DIG
53	DMC			DMC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
54	DPG			DPG
55	DPM			DPM
56	DPR			DPR
57	DRC			DRC
58	DVP			DVP
59	DXG			DXG
60			DXS	DXS
61	EIB			EIB
62	ELC			ELC
63	EVF			EVF
64			FCN	FCN
65			FIR	FIR
66			FIT	FIT
67	FMC			FMC
68	FPT			FPT
69			FRT	FRT
70	FTS			FTS
71	GAS			GAS
72	GDT			GDT
73	GEG			GEG
74	GEX			GEX

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
75	GIL			GIL
76	GMD			GMD
77			GSP	GSP
78	GVR			GVR
79	HAH			HAH
80	HAX			HAX
81			HCD	HCD
82	HCM			HCM
83	HDB			HDB
84	HDC			HDC
85	HDG			HDG
86			HHP	HHP
87	HHS			HHS
88	HHV			HHV
89	HII			HII
90	HPG			HPG
91			HPX	HPX
92			HQC	HQC
93	HSG			HSG
94	HT1			HT1
95			HTG	HTG

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
96	HTI			HTI
97	HTN			HTN
98	HVH			HVH
99	IDI			IDI
100	IJC			IJC
101	ILB			ILB
102	IMP			IMP
103	ITC			ITC
104	KBC			KBC
105	KDC			KDC
106	KDH			KDH
107	KHG			KHG
108	KSB			KSB
109			LBM	LBM
110	LCG			LCG
111	LHG			LHG
112	LIX			LIX
113	LPB			LPB
114	LSS			LSS
115	MBB			MBB
116	MIG			MIG

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
117	MSB			MSB
118	MSH			MSH
119	MSN			MSN
120	MWG			MWG
121			NAB	NAB
122	NAF			NAF
123	NBB			NBB
124	NCT			NCT
125	NHA			NHA
126			NHH	NHH
127	NKG			NKG
128	NLG			NLG
129	NNC			NNC
130			NO1	NO1
131	NSC			NSC
132	NTL			NTL
133	OCB			OCB
134	ORS			ORS
135	PAC			PAC
136	PAN			PAN
137	PC1			PC1

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
138	PDR			PDR
139	PET			PET
140	PGC			PGC
141	PGD			PGD
142	PHC			PHC
143	PHR			PHR
144	PLP			PLP
145	PLX			PLX
146	PNJ			PNJ
147	POW			POW
148	PPC			PPC
149			PTB	PTB
150	PVD			PVD
151			PVP	PVP
152	PVT			PVT
153	REE			REE
154	SAB			SAB
155	SAM			SAM
156			SAV	SAV
157	SBT			SBT
158	SCR			SCR

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
159	SCS			SCS
160	SFG			SFG
161	SFI			SFI
162	SGN			SGN
163	SHB			SHB
164	SHI			SHI
165			SIP	SIP
166			SJD	SJD
167	SJS			SJS
168	SKG			SKG
169	SRC			SRC
170	SSB			SSB
171	SSI			SSI
172			ST8	ST8
173	STB			STB
174	SVC			SVC
175	SZC			SZC
176	SZL			SZL
177	TCB			TCB
178	TCD			TCD
179	TCH			TCH

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
180			TCI	TCI
181	TCL			TCL
182	TCM			TCM
183			TCO	TCO
184	TDM			TDM
185	TDP			TDP
186			TEG	TEG
187	THG			THG
188	TIP			TIP
189	TLG			TLG
190	TMS			TMS
191	TNH			TNH
192	TPB			TPB
193	TRA			TRA
194	TRC			TRC
195	TTA			TTA
196	TV2			TV2
197			TVS	TVS
198	TYA			TYA
199	VCB			VCB
200	VCG			VCG

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
201	VCI			VCI
202	VDS			VDS
203			VFG	VFG
204	VGC			VGC
205	VHC			VHC
206	VHM			VHM
207	VIB			VIB
208	VIC			VIC
209	VIP			VIP
210	VIX			VIX
211	VJC			VJC
212	VNM			VNM
213			VOS	VOS
214	VPB			VPB
215	VPG			VPG
216	VPI			VPI
217	VRE			VRE
218	VSC			VSC
219	VSH			VSH
220	VTO			VTO
221			VTP	VTP

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
222			YEG	YEG

- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội:

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	BAB			BAB
2	BVS			BVS
3			CAP	CAP
4	CEO			CEO
5			CMS	CMS
6	CSC			CSC
7	DHT			DHT
8			DL1	DL1
9	DNP			DNP
10	DTD			DTD
11	DVM			DVM
12	DXP			DXP
13			HBS	HBS
14	HUT			HUT
15			HVT	HVT

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
16	IDC			IDC
17	IDV			IDV
18	IPA			IPA
19			KSV	KSV
20	L14			L14
21	LAS			LAS
22	LHC			LHC
23			LIG	LIG
24	MBS			MBS
25			NAG	NAG
26	NBC			NBC
27			NDN	NDN
28	NET			NET
29	NTP			NTP
30			PCH	PCH
31	PGS			PGS
32	PLC			PLC
33			PPT	PPT
34	PSD			PSD
35	PTI			PTI
36	PVB			PVB

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
37	PVC			PVC
38	PVI			PVI
39	PVS			PVS
40	S99			S99
41			SCG	SCG
42	SHS			SHS
43			SJE	SJE
44	SLS			SLS
45	TDT			TDT
46	TIG			TIG
47			TMB	TMB
48	TNG			TNG
49	TPP			TPP
50	TVD			TVD
51	VC3			VC3
52			VC7	VC7
53	VCS			VCS
54			VFS	VFS
55	VGS			VGS
56			VHE	VHE
57	VNR			VNR

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
58			VTZ	VTZ

Đường link đăng tải thông tin nói trên trên website của công ty:

https://www.vndirect.com.vn/danh_muc_quan_he_co_dong/cong-bo-thong-tin/

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này.

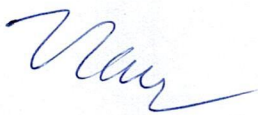
Kính báo cáo Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam.

Người lập



Nguyễn Thị Liên

Người duyệt



Nguyễn Lê Nam

Tổng Giám đốc



Nguyễn Vũ Long